

Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp

Nguyễn Việt Thanh¹, Nguyễn Văn Thiên²

¹ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Email: vietthanhb@gmail.com

² Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long.

Nhận ngày 13 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 6 năm 2017.

Tóm tắt: Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra nghiêm trọng. Các khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện, thủy điện tuy góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) của đất nước, nhưng cũng là những tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường. Để khắc phục tình trạng này, cần thực hiện các giải pháp như: phát huy dân chủ trong bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là yếu tố cơ bản quyết định sự phát triển bền vững, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp và cộng đồng.

Từ khóa: Ô nhiễm, môi trường, Việt Nam.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Implementing the *đổi mới*, or renovation, process, Vietnam has made many achievements in terms of the economic growth. However, the country has also been faced with serious environmental pollution. Industrial zones and thermal and hydro power plants, though making no small contributions to its cause of industrialisation and modernisation, are major causes of the pollution. So as to overcome the situation, Vietnam needs to apply various measures, including bringing democracy into full play in environmental protection, considering environmental protection to be the fundamental and decisive factor for sustainable development, and development of the awareness of the protection among enterprises and communities.

Keywords: Pollution, environment, Vietnam.

Subject Classification: Philosophy

1. Mở đầu

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, các nước trên thế giới đang đối mặt với

nhiều thách thức: bất công, đói nghèo, xung đột, cạn kiệt tài nguyên, suy giảm ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Tình trạng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến quá trình

tăng trưởng của nền kinh tế cũng như toàn bộ đời sống xã hội. Ở Việt Nam, tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra ở mức nghiêm trọng. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề thực trạng và giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường. Bài viết này góp thêm một số ý kiến về vấn đề trên.

2. Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay

Sau hơn 30 năm đổi mới, kinh tế nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, xã hội Việt Nam đang từng bước chuyển đổi từ nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu sang hướng hiện đại. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, môi trường tự nhiên cũng đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nếu Việt Nam không có giải pháp cấp bách để hạn chế ô nhiễm môi trường trong thời gian tới thì hậu quả thật khó lường. Do quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh nên các nguồn ô nhiễm khí thải (phát sinh từ hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, thi công xây dựng, sinh hoạt của nhân dân) ngày càng độc hại. Ô nhiễm không khí đang từng ngày ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người (như làm cay mắt, đỏ mắt, ho, giảm chức năng của phổi, dễ mắc các bệnh hen suyễn, viêm phế quản, thậm chí có thể bị ung thư). Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn tác động tổng hợp tới biến đổi khí hậu, đó là sự gia tăng hiệu ứng nhà kính, gây ra hiện tượng nóng lên của toàn cầu.

Ở các đô thị, nước thải, rác thải sinh hoạt không được xử lý tập trung, trực tiếp xả ra sông, hồ, kênh, mương. Nhiều cơ sở sản xuất bệnh viện chưa có hệ thống xử lý nước

thải. Do ô nhiễm nước, nên người mắc các bệnh cấp và mãn tính (như các bệnh đường ruột, ung thư... ngày càng tăng. Ô nhiễm nguồn nước cũng gây tổn thất lớn cho các ngành sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản.

Hiện nay, ở Việt Nam, theo nghiên cứu của các tổ chức bảo vệ môi trường, 70% các dòng sông, 45% vùng ngập nước, 40% các bãi biển đã bị ô nhiễm và 70% các làng nghề ở nông thôn đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm [9]. Cùng với đó, tình trạng nước biển xâm nhập sâu vào đất liền đang thu hẹp diện tích vùng nước ngọt.

Một số địa phương thu hút nguồn vốn đầu tư bằng cách hạ thấp tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Không ít các doanh nghiệp đánh giá tác động của môi trường qua loa, vô trách nhiệm, lừa dối dư luận. Việc xây dựng hàng loạt nhà máy nhiệt điện than là một nguyên nhân làm gia tăng ô nhiễm môi trường. Nếu tiếp tục đưa vận hành thêm 52 nhà máy (tính đến năm 2030, tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long), thì ô nhiễm môi trường sẽ càng trầm trọng hơn. Ở những địa phương có các nhà máy nhiệt điện, do ô nhiễm khói bụi than nên số người chết liên quan đến ô nhiễm khói bụi gia tăng.

Thủy điện là một trong những nguồn năng lượng chính của Việt Nam, góp phần tăng trưởng kinh tế. Theo thống kê của Bộ Công Thương, hiện cả nước có 330 công trình thủy điện được đưa vào sử dụng với tổng công suất lắp đặt 17.615 MW, trong đó tập trung chủ yếu ở khu vực phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên [10]. Mặc dù Nhà nước đã phải loại bỏ hàng loạt dự án thủy điện có tác động tiêu cực đến môi trường, nhưng vẫn còn không ít dự án thủy điện gây tác động tiêu cực đối với tài nguyên rừng.

Việc xây dựng các công trình thủy điện là một trong những tác nhân hủy diệt nhiều khu rừng nguyên sinh, các thảm thực vật cũng như các loài động vật. Nhưng hậu quả không chỉ dừng lại ở đó. Vào các mùa mưa lũ, việc tranh giành nhau xả nước lũ của nhà máy thủy điện luôn là nỗi ám ảnh của người dân. Gần đây, Công ty Gang thép Hưng Nghiệp Formosa ở Vũng Áng, Hà Tĩnh đã gây ô nhiễm môi trường biển ở miền Trung, làm cá chết hàng loạt, gây thiệt hại lớn về kinh tế. Hậu quả nặng nề ở đây chưa thể đo đếm được. Nhiều người đang dự báo thảm họa môi trường do Nhà máy Giấy Lee & Man ở Hậu Giang gây ra tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Khi Nhà máy đi vào sản xuất, giấy và bột giấy sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường; nhà máy này sẽ thải ra khoảng 28.500 tấn xút (NaOH) mỗi năm xuống sông Hậu. Để sản xuất ra được 1 tấn giấy hay bột giấy, cần đến 50kg xút làm chất tẩy. Lượng xút đó nếu đổ ra sông Hậu thì sẽ trở thành mối nguy lớn hủy hoại nguồn thủy sản trên sông và biển, cũng như gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc nuôi trồng thủy sản ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài nhiệt điện và thủy điện, việc sản xuất xi măng cũng gây ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng. Sản xuất xi măng cần nhiều năng lượng điện và than, thêm vào đó, các nhà máy xi măng ở nước ta còn thải ra một khối bụi khổng lồ vào môi trường tự nhiên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người dân. Khói bụi xi măng làm tăng nồng độ chất rắn lơ lửng trong nước ở khu vực lân cận, gây axit hóa đất và nước trong vùng nếu mưa chảy tràn; làm mất thảm thực vật tại các vùng khai thác; từ đó làm mất khả năng giữ nước bổ sung cho

nguồn nước ngầm; gây xói lở tại các ao, hồ gây mất mỹ quan vốn có trong khu vực. Không khí ô nhiễm xung quanh các nhà máy xi măng là nguyên nhân gây ra các bệnh về hô hấp với người dân.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm nước ta có hơn 2.000 dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tính đến hết năm 2014, cả nước có 297 khu công nghiệp với hơn 550.000m³ nước thải/ngày đêm; có 615 cụm công nghiệp, trong đó chỉ khoảng 5% số này có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong hơn 500.000 cơ sở sản xuất đang hoạt động, có nhiều loại hình sản xuất gây ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất lạc hậu. Ngoài ra, 787 đô thị đã thải ra 3 triệu m³ nước/ngày đêm, hầu hết nước thải này chưa được xử lý. Lo ngại hơn, mỗi năm cả nước sử dụng hơn 100.000 tấn hóa chất bảo vệ thực vật, thải ra hơn 23 triệu tấn rác sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp. Không ít dòng sông đã trở thành những dòng sông chết do nước thải độc hại không được xử lý từ các khu công nghiệp đổ ra. Các bãi mía, nương ngô màu mỡ cũng lần lượt bị sạt lở vì hàng đoàn máy hút cát, đục khoét dưới lòng sông. Việc hút cát lòng sông không chỉ dẫn đến sự bức tử các vùng đất canh tác nông nghiệp xưa nay trù phú, mà còn hủy hoại cả vùng nuôi trồng thủy sản. Ngoài các ví dụ trên, chúng ta còn có thể dễ dàng dẫn ra nhiều ví dụ về tình trạng ô nhiễm ở Việt Nam hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đưa ra nhiều chủ trương bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Văn kiện Đại hội XII của Đảng viết: “tăng

cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn” [4, tr.141]; “ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường do chủ quan của con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra. Bảo vệ môi trường tự nhiên vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị... Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường” [4, tr.141-142].

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân (cả nguyên nhân chủ quan và khách quan), có thể nêu ra một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, hiện nay có khoảng 300 văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế, các quy trình kỹ thuật, quy trình sử dụng nguyên liệu trong sản xuất. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này vẫn còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết, thiếu tính ổn định. Nhiều văn bản mới được ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung. Điều đó làm hạn chế hiệu quả điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế trong việc bảo vệ môi trường [11].

Thứ hai, quyền hạn pháp lý của các tổ chức bảo vệ môi trường, nhất là của lực lượng cảnh sát môi trường, chưa thực sự đủ mạnh. Điều đó đã hạn chế hiệu quả hoạt động nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường vừa thiếu, vừa chưa đủ mạnh; điều đó dẫn đến hạn chế tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi xâm hại môi trường. Rất ít trường hợp gây ô nhiễm môi trường bị xử lý hình sự. Các biện pháp xử lý khác (như: buộc phải di dời ra khỏi khu vực gây ô nhiễm, đóng cửa và đình chỉ hoạt động của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường) cũng không được áp dụng nhiều, hoặc có áp dụng nhưng thiếu kiên quyết, không có hiệu quả.

Thứ ba, các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ môi trường; buông lỏng quản lý; thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường của các cơ quan chức năng đối với các cơ sở sản xuất vẫn mang tính hình thức. Hiện tượng “phạt để tồn tại” còn phổ biến. Công tác thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư chưa được coi trọng đúng mức, được tiến hành một cách hình thức, qua loa, đại khái. Điều đó dẫn đến chất lượng thẩm định và phê duyệt không cao.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế; ý thức tự giác, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường chưa cao; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi

trường còn hạn chế; phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra còn thiếu (do đó, trong nhiều trường hợp, đoàn kiểm tra không thể phát hiện được những thủ đoạn tinh vi của doanh nghiệp thải các chất gây ô nhiễm ra môi trường).

3. Giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở Việt Nam là một vấn đề không mới. Đã có nhiều giải pháp được đưa ra nhằm ngăn chặn, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Dưới đây, xin đề xuất và làm rõ thêm một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó những chế tài xử phạt (cưỡng chế hành chính và xử lý hình sự) phải thực sự đủ mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm. Bên cạnh đó, cần xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý môi trường trong các nhà máy, các khu công nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tổ chức giám sát chặt chẽ nhằm hướng tới một môi trường tốt đẹp và thân thiện hơn với con người.

Hai là, tăng cường công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường (thường xuyên, định kỳ, đột xuất); phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn, nhất là giữa lực lượng thanh tra môi trường với lực lượng cảnh sát môi trường các cấp, nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để những hành vi gây ô nhiễm môi trường của các tổ chức, cá nhân. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác môi

trường; trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ có hiệu quả hoạt động của các lực lượng này.

Ba là, chú trọng công tác quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề, các đô thị, đảm bảo tính khoa học cao, trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, toàn diện các xu thế phát triển, tránh tình trạng quy hoạch tràn lan, thiếu đồng bộ, chồng chéo, gây khó khăn cho công tác quản lý nói chung, quản lý môi trường nói riêng. Đối với các khu công nghiệp, cần có quy định bắt buộc các công ty phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, phân tích môi trường tập trung, thường xuyên báo cáo định kỳ về hoạt động xử lý nước thải, rác thải tại đó.

Bốn là, chú trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn tham mưu chính xác cho cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc cấp hay không cấp giấy phép đầu tư. Việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích trước mắt với những thiệt hại môi trường về lâu dài. Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, các dự án đầu tư và tạo điều kiện để mọi tổ chức và công dân có thể tham gia phản biện xã hội về tác động môi trường của những quy hoạch và dự án đó.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường; làm cho mọi người nhận thức một cách tự giác về vị trí, vai trò, mối quan hệ mật thiết giữa tự nhiên - con người - xã hội.

Việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức về môi trường cho doanh nghiệp và cộng đồng có ý nghĩa quan trọng, bởi doanh nghiệp và cộng đồng là những người chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi môi trường sống của chính họ, phải gánh chịu hậu quả môi trường tại địa phương. Việc nâng cao nhận thức khoa học về bảo vệ môi trường sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp và cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Công tác này cần được thực hiện thông qua các hoạt động xã hội, các tổ chức quần chúng, các đoàn thể chính trị - xã hội để từng bước tiến tới xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Đây là một quá trình đòi hỏi sự bền bỉ, thời gian dài và đặc biệt là sự kết hợp hài hòa và tổng hợp các giải pháp.

4. Kết luận

Môi trường bị ô nhiễm sẽ cản trở quá trình tăng trưởng của nền kinh tế, do đó để phát triển hài hòa, cân đối thì phải bảo vệ môi trường. Chúng ta cần phải có một quỹ đánh giá tác động môi trường riêng do Nhà nước quản lý; cần khuyến khích các công ty, dự án phát triển kinh tế ở nước ta áp dụng công nghệ tiên tiến, góp phần giảm thiểu ô nhiễm; ban hành các quy định và tiêu chuẩn liên quan đến môi trường. Nếu tăng trưởng kinh tế mà không đi đôi với bảo vệ môi trường thì mục tiêu phát triển bền vững cũng không thể thực hiện được. Vấn đề ô nhiễm môi trường đã được bàn đến trong rất nhiều công trình. Tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa cũ. Chúng ta cần phải tiếp tục có thêm tiếng nói để

thúc đẩy mọi người, nhất là các doanh nghiệp, phải ra sức bảo vệ môi trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị số 36-CT/TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [5] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, t.42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Phúc (2010), “Bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức”, *Tạp chí Triết học*, số 4.
- [8] Phạm Thị Ngọc Trâm (1997), *Môi trường sinh thái: Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] <http://vhntdng.vn/doan-the/pages/tin-tuc-su-kien-4210242/tin-tuc-su-kien-48824495/nang-cao-y-thuc-bao-ve-moi-truong-xanh-sach-dep-cho-hoc-sinh-641419403/web-dev.aspx>
- [10] <http://www.baomoi.com/se-rut-giay-phep-nha-may-thuy-dien-khong-tuan-thu-quy-dinh/c/21793153.epi>
- [11] <http://moitruong.com.vn/phat-trien-ben-vung/bao-ve-moi-truong/mot-so-giai-phap-khac-phuc-o-nhiem-moi-truong-15159.htm>

